

Số: 56 /2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 10 năm 2018

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐỀ	Số: 1175
	Ngày: 26/10
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế lập thành tích tại các giải thể thao trong nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 1229/TTr-SVHTT ngày 13 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh Thừa Thiên Huế lập thành tích tại các giải thể thao được tổ chức trong nước Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh Thừa Thiên Huế thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao trong nước hưởng mức thưởng theo quy định này.

Điều 2. Mức thưởng

1. Chế độ tiền thưởng đối với các vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trong nước



a) Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao trong nước được hưởng mức thưởng như sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục được cộng thêm
1	Giải Đại hội TDTT toàn quốc	10	6	4	4
2	Giải vô địch Quốc gia	8	5	3	3
3	Giải Vô địch cúp Quốc gia; Giải vô địch câu lạc bộ mạnh toàn quốc				
a	VĐV từ 18 tuổi trở lên	5	3	2	2
b	VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi	4	2.4	1.6	1.6
c	VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi	3	1.8	1.2	1.2
d	VĐV dưới 12 tuổi	2	1.2	0.8	0.8
4	Giải vô địch trẻ quốc gia, Giải vô địch các nhóm tuổi Quốc gia, Giải các VĐV thể thao xuất sắc (Cờ vua, cầu lông ...) và các giải khác nằm trong hệ thống thi đấu của Tổng cục Thể dục Thể thao, Liên đoàn thể thao quốc gia				
a	VĐV từ 18 tuổi trở lên	4	2.5	1.6	1.6
b	VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi	3	1.6	1	1
c	VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi	2	1.2	0.8	0.8
d	VĐV dưới 12 tuổi	1,5	0.8	0,6	0.6

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng (số người tham gia môn thể thao tập thể theo quy định của điều lệ giải) nhân với mức thưởng tương ứng quy định trong bảng mức thưởng tại điểm a, khoản 1, điều 1.

c) Đối với môn thể thao đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi): Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng (số người tham gia môn thể thao đồng đội theo quy định của điều lệ giải) nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định trong bảng mức thưởng tại điểm a, khoản 1, điều 1.

2. Chế độ tiền thưởng đối với các huấn luyện viên đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu trong nước

a) Đối với môn thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Nếu vận động viên tập trung từ các cơ sở tuyển dưới thì tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60% mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở tuyển dưới trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% mức thưởng đối với vận động viên.

b) Đối với môn thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu lập thành tích được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

c) Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

d) Số lượng huấn luyện viên của đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu và những môn có tính phối hợp đôi nam, nữ: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

3. Chế độ thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên huấn luyện vận động viên thi đấu lập thành tích tại Hội thi thể thao dân tộc thiểu số toàn quốc, giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc:

Vận động viên, huấn luyện viên huấn luyện vận động viên thi đấu lập thành tích tại các đại hội thể thao, giải thể thao, hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số, các giải thể thao dành cho người khuyết tật thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này.

4. Chế độ thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên huấn luyện vận động viên thi đấu lập thành tích tại các giải thi đấu cấp tỉnh, giải thi đấu cấp khu vực, khu vực mở rộng trong nước:

Vận động viên, huấn luyện viên huấn luyện vận động viên thi đấu lập thành tích tại các giải thi đấu cấp tỉnh, giải thi đấu cấp khu vực trong nước, khu vực mở rộng trong nước được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này.

Điều 3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu và Điều 6, Điều 7 Thông tư Liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính – Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 4. Khen thưởng

Các vận động viên đạt huy chương tại các giải Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc và giải Vô địch Quốc gia ngoài mức thưởng bằng tiền được hưởng theo Quyết định này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả cho các chế độ tại Quyết định này được bố trí trong dự toán ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018. Bãi bỏ Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

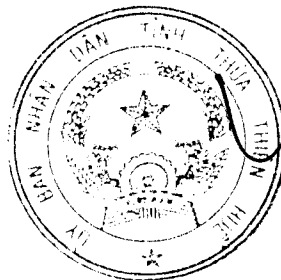
1. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn hướng dẫn các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Nội vụ, Tài chính; Ban Thi đua Khen thưởng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Các Bộ: Tài chính, VHTTDL;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công thông tin điện tử tỉnh TTH;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, GD, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ